

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐS
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 05 - 2023
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐS TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Long

Bà Lê Hoàn Sinh

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tuấn Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện ĐS, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Không.

Ngày 16 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện ĐS, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 04 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 04 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T; sinh năm: 1986; Địa chỉ: Thôn ĐB, xã ML, huyện NT, tỉnh Thanh Hoá.

- Bị đơn: Anh Chu Đình B; sinh năm: 1973; Địa chỉ: Thôn PB, xã DN, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa..

Tại phiên toà vắng mặt chị T, anh B. Chị T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh B vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/08/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày: Chị và anh Chu Đình B kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 04/12/2020 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã ML, huyện NT, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 20 ngày thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không có tiếng nói chung, không thống nhất được các vấn đề trong cuộc sống, mỗi người mỗi ý nên liên tục xảy ra va chạm, anh B nhiều lần đánh đập chị. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay không ai quan tâm đến

ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hai người đã sống ly thân với nhau thời gian dài nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh **B**.

Về con cái: Vợ chồng không có con chung. Chị **T** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản: Chị **T** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Chu Đình **B** để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của chị **T** nhưng anh **T** không có mặt nên không có lời khai của anh **T** và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Toà án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Chu Đình **B** không có mặt nên Toà án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh **B** theo quy định tại khoản 3 điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS).

Anh **B** đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh **B** đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Toà án cũng đã triệu tập hợp lệ anh **B** lần thứ hai đến Toà án để tham gia phiên toà nhưng anh **B** vẫn không có mặt mà không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt anh **B**

Chị Lê Thị **T** đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt chị **T**.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị **T** và anh Chu Đình **B** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/08/2022 tại UBND xã **ML**, huyện **NT**, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do hai bên không hợp tính cách và chị **T** bị anh **B** đánh đập nhiều lần. Vợ chồng đã sống từ tháng 01/2021 đến nay. Toà án cũng đã nhiều lần triệu tập anh **B** lên làm việc để anh **B** được bày tỏ quan điểm, ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng anh **B** đều không có mặt, thể hiện anh **B** không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ chị **T**, anh **B** đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị **T** được ly hôn anh **B**.

[3] Về con cái: Chị **T** và anh **B** không có con chung. Chị **T** không yêu cầu nên miễn xét.

[4] Về tài sản: Chị **T** không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị **T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; 56; 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; 227; 228; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị **T** được ly hôn anh Chu Đình **B**.

2. Về án phí: Chị Lê Thị **T** phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện **ĐS**, theo biên lai số AA/2021/0005620 ngày 06/10/2022. Chị **T** đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị **T**, anh **B**. Chị **T**, anh **B** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã **ML**;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Ngọc Biên

Bùi Trung Thành

Nguyễn Thanh Tân

